

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS - ST.
Ngày: 17/7/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST- DS ngày 05/4/2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 03/7/2019 giữa :

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Số 109, Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Trọng H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B - Chi nhánh A.

(Theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/06/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng B)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Trọng H: Ông Nguyễn Văn T - Cán bộ Ngân hàng B - Chi nhánh A.

(Theo giấy ủy quyền số 279 ngày 15/3/2019 của Giám đốc Ngân hàng B - Chi nhánh A).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1963 và chị Vũ Thị X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Ông Trung có mặt tại phiên tòa; anh M, chị X vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ngân hàng B, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 07/12/2016, anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X đã ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng B - Chi nhánh A với hai khoản vay sau:

Khoản vay 1: Theo Hợp đồng tín dụng số 343A/2016/HĐTD hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho anh M và chị X vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau: Số tiền cho vay: **200.000.000** (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua sắm trang thiết bị gia đình. Lãi suất vay ban đầu: Lãi suất kỳ đầu tiên là 11,25%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 08/12/2016 đến ngày 08/12/2026). Ngày 08/12/2016 anh M, chị X đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Khoản vay 2: Theo Hợp đồng tín dụng số 343B/2016/HĐTD hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho anh M và chị X vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau: Số tiền cho vay: **200.000.000** (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay: Thanh toán tiền mua cám phục vụ nuôi cá. Lãi suất vay ban đầu: Lãi suất kỳ đầu tiên là 8,5%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng B tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 08/12/2016 đến ngày 08/12/2017). Ngày 08/12/2016, anh M và chị X đã nhận đủ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng).

Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 707637; Số vào sổ cấp GCN: CH 01893 do UBND huyện H cấp ngày 11/08/2010. Chủ sở hữu tài sản là anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng B - Chi nhánh A từ ngày 08/12/2016 đến ngày 01/06/2017 anh M và chị X mới trả cho Ngân hàng 23.865.592 đồng bao gồm tiền gốc và lãi của khoản vay 1 và tiền lãi của khoản vay 2, kể từ sau ngày 01/6/2017 cho đến nay anh M và chị X không trả thêm được bất cứ một khoản tiền nào cho Ngân Hàng. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng B - Chi nhánh A đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để anh M và chị X thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả.

Nay Ngân hàng B đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

Khoản vay 1:

- Số tiền nợ gốc là: 191.650.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

- Lãi trong hạn tính đến ngày 17/7/2019: 54.083.532 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi hai đồng)

- Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 9.113.463 đồng (Chín triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Khoản vay 2:

- Số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

- Lãi trong hạn: 11.223.888 đồng (Mười một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám tám đồng)

- Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 43.447.028 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai tám đồng).

Tổng cộng số tiền cả hai khoản vay anh M, chị X phải trả cho Ngân hàng là: 509.517.911 đồng (Năm trăm linh chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm mười một đồng).

2) Trong trường hợp anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo hai Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng B đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 343/2016/HĐTC ngày 07/12/2016 để thu hồi nợ.

Tại biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Trần Văn M trình bày: Ngày 07/12/2016 vợ chồng anh có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng B -Chi nhánh A số tiền gốc là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) theo hai hợp đồng tín dụng. Ngày 08/12/2016 vợ chồng anh đã nhận đủ số tiền 400.000.000đồng. Trong quá trình vay do điều kiện kinh tế khó khăn, việc làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Anh M đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng anh mỗi năm trả nợ Ngân hàng 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) và xin miễn giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ sau: Khoản vay 1:Số tiền nợ gốc là: 191.650.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Lãi trong hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 54.083.532 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi hai đồng);Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 9.113.463 đồng (Chín triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Khoản vay 2: Số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Lãi trong hạn: 11.223.888 đồng (Mười một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám tám đồng); Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 43.447.028 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai tám đồng).

Tổng cộng số tiền cả hai khoản vay anh M, chị X phải trả cho Ngân hàng là: 509.517.911 đồng (Năm trăm linh chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm mười một đồng).

Trường hợp anh M, chị X không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 343/2016/HĐTC ngày 07/12/2016 để thu hồi nợ.

Về án phí: Anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng B - Chi nhánh A là tổ chức tín dụng, anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng, tuy nhiên mục đích vay của anh M, chị X để phục vụ tiêu dùng, sinh hoạt trong gia đình không vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng. Bị đơn cư trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng B với anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Anh M, chị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn của Ngân hàng B.

Xét thấy, ngày 07/12/2016 vợ chồng anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X có vay vốn tại Ngân hàng B- Chi nhánh A với hai khoản vay theo hai hợp đồng tín dụng số 343A/2016/HĐTD và 343B/2016/HĐTD. Tổng số tiền của cả hai khoản vay là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Ngày 08/12/2016 vợ chồng anh M đã nhận đủ số tiền 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Việc anh M, chị X ký kết hai hợp đồng tín dụng số 343A/2016/HĐTD và 343B/2016/HĐTD với Ngân hàng B - Chi nhánh A để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hai Hợp đồng tín dụng số 343A/2016/HĐTD và 343B/2016/HĐTD là hợp pháp.

Đối với khoản vay 1 theo Hợp đồng tín dụng số 343A/2016/HĐTD ngày 07/12/2016 trong Hợp đồng các bên thỏa thuận số tiền vay là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân (từ ngày 08/12/2016 đến ngày 08/12/2026), thời gian trả nợ gốc trả đều hàng tháng vào ngày 25, chia làm 120 kỳ, đầu mỗi kỳ trả 1.670.000đồng, kỳ cuối trả 1.270.000đồng. Từ ngày 08/12/2016 đến ngày 01/6/2017 anh M, chị X trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là của khoản vay 1 là 8.877.619 đồng, sau đó anh M, chị X không trả được nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Mặc dù khoản vay theo

Hợp đồng tín dụng số 343A đến năm 2026 mới hết hạn tuy nhiên anh M và chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng B buộc anh M, chị X phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 191.650.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi trong hạn: Ngân hàng yêu cầu anh M, chị X phải trả lãi trong hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với số tiền là 54.083.532 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi hai đồng). Xét thấy thời hạn vay của anh M, chị X đến năm 2026 mới hết nhưng do anh M, chị X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng nên việc Ngân hàng tính lãi trong hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng tín dụng và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Về tiền lãi quá hạn: Ngân hàng B chỉ tính lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc mà các bên đã phân kỳ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng với số tiền là 9.113.463 đồng (Chín triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng) mà không tính tiền lãi quá hạn của tổng số tiền nợ gốc chưa trả. Việc thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Nên việc tính lãi quá hạn của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay 2 theo Hợp đồng tín dụng số 343B/2016/HĐTD ngày 07/12/2016 trong Hợp đồng các bên thỏa thuận số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 08/12/2016 đến ngày 08/12/2017). Đối với khoản vay này anh M, chị X chưa trả được cho Ngân hàng cả tiền nợ gốc và lãi. Kể từ ngày 09/12/2017 khoản vay này của anh M, chị X bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng B đã nhiều lần yêu cầu anh M, chị X trả nợ cho Ngân hàng (được thể hiện bằng các biên bản đôn đốc thu hồi nợ và cam kết trả nợ) nhưng anh M, chị X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng B yêu cầu anh M, chị X phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Lãi trong hạn: 11.223.888 đồng (Mười một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám tám đồng); Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 43.447.028 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai tám đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 280, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh M, chị X phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện tổng số tiền cả gốc và lãi của cả hai khoản vay là: 509.517.911 đồng (Năm trăm linh chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm mười một đồng).

2.2. Đối với yêu cầu của Ngân hàng B về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 343/2016/HĐTC ngày 07/12/2016.

Xét thấy, để đảm bảo khoản tiền vay theo hai hợp đồng tín dụng số 343A và 343B ngày 07/12/2016. Anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 343/HĐTC ngày 07/12/2016 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh M, chị X gồm: Diện tích đất 859m² tại thửa đất số 2132, tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 1990, trong đó đất ở nông thôn 240m², đất trồng cây lâu năm khác 619m² theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BC 707637 ngày 11/8/2010 mang tên anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 1 tầng có diện tích 135m² tại Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2019, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Đất có diện tích 859m² tại Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa 2137, 2138 dài 27,1m; Tây giáp đường giao thông thôn dài 19,6m; Nam giáp thửa 2131 dài 37,7m; Bắc giáp thửa 2133, 2135 dài 35,9m. Trên diện tích đất xây dựng ngôi nhà mái bằng 01 tầng, nhà xây kiên cố, có khung cột, chưa sơn. Như vậy, tài sản thế chấp không có biến động trong quá trình sử dụng.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 343 ngày 07/12/2016 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng anh M, chị X và không có sự biến động trong quá trình sử dụng, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 343 ngày 07/12/2016 có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh M, chị X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng B về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh M, chị X tại Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình là phù hợp với quy định tại điều 299, điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh M, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là (20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000đồng), cụ thể như sau: 20.000.000đồng + (109.517.911 (phần vượt quá 400.000.000đồng) x 4%)= 24.380.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 280, điều 299, điều 323, điều 357, điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 7, khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X phải trả cho Ngân hàng B các khoản nợ sau:

Khoản vay 1:

- Số tiền nợ gốc là: 191.650.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);
- Lãi trong hạn tính đến ngày 17/7/2019: 54.083.532 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi hai đồng)
- Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 9.113.463 đồng (Chín triệu một trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Khoản vay 2:

- Số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Lãi trong hạn: 11.223.888 đồng (Mười một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám tám đồng)
- Lãi quá hạn tính đến ngày 17/7/2019 là: 43.447.028 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm hai tám đồng).

Tổng cộng số tiền cả hai khoản vay anh M, chị X phải trả cho Ngân hàng là: 509.517.911 đồng (Năm trăm linh chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm mười một đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 343 ngày 07/12/2016 để thu hồi nợ gồm: Diện tích đất 859m² tại thửa đất số 2132, tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 1990, trong đó đất ở nông thôn 240m², đất trồng cây lâu năm khác 619m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 707637 ngày 11/8/2010 mang tên anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 1 tầng có diện tích 135m² tại Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn M và chị Vũ Thị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.380.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0009017 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Linh

